

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2023

“*V/v: Tranh chấp ly hôn và việc
nuôi con chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Doanh

Ông Tạ Minh Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Trịnh Thị Phương - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Phương T, sinh năm: 1987

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức H, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** (con chung của chị T và anh H)

- Cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 03/8/2013

- Cháu Nguyễn Đức Tùng L, sinh ngày: 05/6/2018

Người đại diện theo pháp luật cho cháu N và cháu L: Chị Lê Thị Phương T - Mẹ đẻ và anh Nguyễn Đức H - Bố đẻ

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên

* **Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1951

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên

- Ông Lê Văn T1, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên

Tại phiên tòa, có mặt chị T, vắng mặt anh H, ông V và ông T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Phương T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên vào ngày 02/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị thường xuyên cãi nhau vì không thể hòa hợp trong tình cảm và việc nuôi dạy con. Dù cùng chung sống một nhà nhưng gần 2 năm nay, anh chị không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo N sinh ngày 03/8/2013 và cháu Nguyễn Đức T2 Lâm sinh ngày 05/6/2018. Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung của anh, chị cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm giáo viên tại Trường Mầm non T3, thu nhập bình quân của chị là 5.500.000đ/tháng (năm triệu năm trăm đồng một tháng).

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị xác định chị và anh H không có gì chung, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Lê Bảo N trình bày:** Quá trình chung sống, cháu thấy bố mẹ hay xảy ra mâu thuẫn nhưng cháu không biết tại sao bố mẹ lại xảy ra mâu thuẫn. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn ở với mẹ vì mẹ luôn quan tâm chăm sóc chị em cháu.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Văn V và ông Lê Văn T1 trình bày:** Quá trình chung sống, chị T và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về mọi mặt. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị vẫn ngày càng trầm trọng. Tuy sống cùng nhà nhưng từ khoảng 02 năm gần đây, anh chị không quan tâm đến nhau. Con chung của chị T và anh H là cháu Nguyễn Lê Bảo N sinh năm 2013 và cháu Nguyễn Đức T2 Lâm sinh năm 2018 hiện đang sinh sống cùng nhà với bố mẹ và ông bà nội. Ông V và ông T1 đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị T theo quy định của pháp luật.

*** Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:** Chị Lê Thị Phương T và anh Nguyễn Đức H tự nguyện kết hôn, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 02/01/2013. Quá trình chung sống, chị T và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị chính quyền địa phương không nắm được. Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo N sinh năm 2013 và cháu Nguyễn Đức T2 Lâm sinh năm 2018, các cháu đang sống cùng nhà với vợ chồng chị T, anh H và bố mẹ đẻ anh H. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, Tòa án không lấy lời khai được của anh H, không hòa giải được vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Lê Thị Phương T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được HĐXX tiến hành đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quy định tại điều 70; điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, điều 82, điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị T ly hôn anh H. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Lê Bảo N sinh ngày 03/8/2013 và cháu Nguyễn Đức T2 Lâm sinh ngày 05/6/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Bị đơn anh Nguyễn Đức H đã được triệu tập tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Người làm chứng là ông Nguyễn Văn V và ông Lê Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn chị Lê Thị Phương T và đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời khai của các đương sự, người làm chứng, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự có mặt tại phiên tòa, đã có đủ căn cứ khẳng định:

Chị Lê Thị Phương T và anh Nguyễn Đức H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên số 01, quyển số 01, ngày 02/01/2013 nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau vì những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Dù chung sống cùng nhà nhưng anh, chị đã không còn quan tâm gì đến nhau từ khoảng 02 năm gần đây. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo N sinh ngày 03/8/2013 và cháu Nguyễn Đức T2 Lâm sinh ngày 05/6/2018. Xét thấy chị T có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên cần giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không gửi văn bản đến Tòa án thể hiện quan điểm của mình đối với vấn đề nuôi con chung, HĐXX coi như anh đã từ bỏ quyền lợi của mình.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, điều 82, điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; điều 235; điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Phương T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Bảo N sinh ngày 03/8/2013 và cháu Nguyễn Đức T2 Lâm sinh ngày 05/6/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Phương T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0010852 ngày 22/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY.
- VKSND tỉnh Hưng Yên.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Văn Giang
- Chi cục THADS huyện Văn Giang.
- UBND xã N
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

NGUYỄN THỊ MIỆN